

**Đối với cuộc khảo sát này, bạn sẽ nhập vào bản câu hỏi khảo sát trên màn hình trực tuyến.**

**Màn hình trực tuyến chỉ hỗ trợ tiếng Nhật và tiếng Anh, vì vậy vui lòng chọn một trong hai ngôn ngữ này.**

**Vui lòng tham khảo nội dung bên dưới cho các câu hỏi trong bản khảo sát.**

**Số thứ tự của câu hỏi trên màn hình trực tuyến sẽ tương ứng với số thứ tự của câu hỏi ghi trên giấy này.**

**Nếu bạn không hiểu tiếng Nhật trên màn hình, vui lòng đối chiếu số thứ tự của câu hỏi trên giấy này với số thứ tự của câu hỏi trên màn hình và tiến hành trả lời.**

**Bạn không cần phải trả lời hoặc nộp lại bản khảo sát bằng giấy này.**

**Vui lòng lưu ý rằng, bản khảo sát bằng giấy có thể có một số chỗ hơi khác biệt so với nội dung trên màn hình trực tuyến.**

## **Điều tra về tình hình sinh hoạt của du học sinh tự phí nước ngoài năm 2021 Nội dung khảo sát**

Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) là tổ chức hỗ trợ các du học sinh đến Nhật Bản, thông qua việc trao “Học bổng khuyến học”, tổ chức “Kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU)”, và cung cấp thông tin tìm việc làm, v.v...

Mục đích của cuộc khảo sát này là để giúp ích cho công tác hỗ trợ các bạn, cũng như các du học sinh sẽ đến Nhật Bản du học trong tương lai.

Bạn không cần phải nhập họ tên, tên trường, v.v... của mình vào bản khảo sát này. Khảo sát này sẽ không xâm phạm đến quyền riêng tư của bất kỳ cá nhân nào, vì vậy chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác từ các bạn.

---

## - Bản khảo sát -

[Đây là phần câu hỏi về bản thân bạn ]

**Q1.** Vui lòng cho chúng tôi biết giới tính của bạn?

1. Nam                      2. Nữ

**Q2.** Bạn đến từ quốc gia/khu vực nào? (Trường hợp đến từ các quốc gia/khu vực khác, vui lòng nhập cụ thể.)

- |                 |                |                 |                |
|-----------------|----------------|-----------------|----------------|
| 1. Trung Quốc   | 2. Hàn Quốc    | 3. Đài Loan     | 4. Việt Nam    |
| 5. Nepal        | 6. Malaysia    | 7. Indonesia    | 8. Thái Lan    |
| 9. Mỹ           | 10. Myanmar    | 11. Mông Cổ     | 12. Bangladesh |
| 13. Pháp        | 14. Sri Lanka  | 15. Đức         | 16. Ấn Độ      |
| 17. Philippines | 18. Anh        | 19. Ả Rập Xê-út | 20. Úc         |
| 21. Nga         | 22. Campuchia  | 23. Canada      | 24. Brazil     |
| 25. Thụy Điển   | 26. Lào        | 27. Iran        | 28. Ai Cập     |
| 29. Singapore   | 30. Uzbekistan | 31. Khác        |                |

**Q3.** Mục đích đi du học của bạn là gì?

(Chọn tối đa 3 câu trả lời phù hợp nhất, và nhập **theo thứ tự độ phù hợp.**)

1. Để lấy văn bằng
2. Để rèn luyện bản thân
3. Để trang bị kỹ năng và kiến thức cần có khi xin việc
4. Để làm việc tại Nhật Bản hoặc tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp Nhật Bản
5. Để tích lũy kinh nghiệm khi sống tại nước ngoài và xây dựng các mối quan hệ quốc tế
6. Để trang bị tư duy mang tầm quốc tế
7. Để thực hiện nghiên cứu trong môi trường chuyên nghiệp
8. Để nâng cao năng lực tiếng Nhật
9. Để tiếp xúc với các nền văn hóa khác nhau
10. Khác

[Đây là phần câu hỏi về những điều trước khi bạn đi du học Nhật Bản. ]

**Q4.** Lý do nào khiến bạn chọn Nhật Bản là nơi du học của mình?

(Chọn tối đa 3 câu trả lời phù hợp nhất, và nhập **theo thứ tự độ phù hợp.**)

1. Vì tôi quan tâm đến xã hội Nhật Bản, và mong muốn sinh sống tại Nhật Bản
2. Vì tôi thấy nền giáo dục và nghiên cứu của các trường đại học, v.v... tại Nhật Bản rất thu hút
3. Vì quốc gia của tôi gần với nước Nhật về mặt địa lý
4. Vì có lĩnh vực chuyên môn mà tôi đang quan tâm
5. Vì tôi muốn tiếp xúc với các nền văn hóa khác nhau

6. Vì tôi muốn học ngôn ngữ Nhật và tìm hiểu về nền văn hóa Nhật Bản
7. Vì tôi muốn làm công việc liên quan đến Nhật Bản
8. Vì tôi nhận được học bổng
9. Vì tôi được bạn bè, người quen, gia đình, v.v... khuyên
10. Tôi đi du học Nhật Bản thông qua chương trình trao đổi giữa các trường đại học, v.v...
11. Vì tôi từng xem xét đến các quốc gia khác, nhưng các điều kiện như học lực và chi phí, v.v... du học Nhật Bản là phù hợp nhất.
12. Khác

**Q5.** Bạn cảm thấy lo lắng về điều gì khi du học tại Nhật Bản?

(Chọn tối đa 3 câu trả lời phù hợp nhất, và nhập **theo thứ tự độ phù hợp**.)

1. Không biết liệu tôi có thể thích ứng được với khí hậu, ẩm thực, và phong tục của nước Nhật hay không
2. Không biết liệu tôi có thể học tập, và đạt được kết quả học tập như mong muốn hay không
3. Không biết liệu tôi có thể xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, và giao tiếp khéo léo với những người xung quanh hay không
4. Không biết liệu có thể đảm bảo chỗ ở phù hợp cho tôi hay không
5. Không biết liệu tôi có bị mắc bệnh hay gặp phải những thảm họa tự nhiên hay không
6. Không biết liệu tôi có cảm thấy cô đơn và nhớ nhà hay không
7. Không biết liệu tôi có gặp khó khăn về tài chính hay không
8. Tôi không cảm thấy có gì quá lo lắng
9. Khác

**Q6.** Bạn cảm thấy khó khăn nhất với điều gì trước khi đi du học Nhật Bản?

(Chọn tối đa 3 câu trả lời phù hợp nhất, và nhập **theo thứ tự độ phù hợp**.)

- |                       |                            |   |
|-----------------------|----------------------------|---|
| 1. Thu thập thông tin | 2. Học tiếng Nhật          | 3. Liên hệ trước với trường muốn theo học |
| 4. Xin visa du học    | 5. Chuẩn bị chi phí du học | 6. Kiểm tra đầu vào                       |
|                       |                            | 7. Khác                                   |

**Q7.** Bạn đã có được thông tin du học trước khi đi du học Nhật Bản bằng cách nào?

(Chọn tối đa 3 câu trả lời phù hợp nhất, và nhập **theo thứ tự độ phù hợp**.)

1. Tham gia hội thảo du học Nhật Bản, triển lãm giáo dục Nhật Bản, v.v...
2. Liên hệ trực tiếp với trường mong muốn theo học
3. Liên hệ với Trụ sở ngoại giao ở nước ngoài, như Đại sứ quán Nhật Bản tại nước ngoài, v.v...
4. Liên hệ với Cơ sở giáo dục của chính phủ tại nước mình
5. Liên hệ với Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)
6. Tìm kiếm trang web của các trường học và Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) trên Internet
7. Liên hệ với các Tổ chức tư nhân khác
8. Mua các ấn phẩm của Nhật Bản
9. Trao đổi với trường học hoặc giảng viên ở nước mình
10. Trao đổi với người thân và bạn bè
11. Khác

[Đây là phần câu hỏi từ khi bạn đến Nhật Bản cho đến khi bạn nhập học tại trường mà bạn đang theo học. ]

**Q8.** Bạn đã đến Nhật Bản được bao nhiêu năm rồi?

1. Dưới 1 năm      2. 1 năm ~ dưới 2 năm      3. 2 năm ~ dưới 3 năm      4. 3 năm ~ dưới 4 năm  
5. 4 năm ~ dưới 5 năm      6. 5 năm ~ dưới 6 năm      7. Từ 6 năm trở lên

**Q9.** Sau khi đến Nhật Bản, bạn có tham gia ngay vào khóa học của trường mà bạn đang theo học không?

1. Có (Vui lòng chuyển sang Q11.)      2. Không

• Người đã trả lời “2. Không” ở Q9, vui lòng trả lời câu hỏi sau đây.

**Q10.** Sau khi đến Nhật Bản, bạn đã làm gì trước khi tham gia vào khóa học của trường bạn đang theo học?

(Chọn 1 câu trả lời cho việc làm gần nhất)

1. Theo học tại cơ sở đào tạo tiếng Nhật      2. Theo học khóa học dự bị  
3. Tham gia khóa học đặc biệt dành cho du học sinh  
4. Theo học tại trường chuyên môn (chương trình chuyên môn)  
5. Theo học tại trường Trung học chuyên nghiệp      6. Theo học tại trường Cao đẳng  
7. Theo học tại Khoa của trường Đại học      8. Theo học Khoa sau đại học  
9. Làm việc      10. Khác

[Đây là phần câu hỏi về trường hiện bạn đang theo học. ]

**Q11.** Bạn đang theo học loại hình trường nào sau đây?

1. Quốc lập      2. Công lập      3. Dân lập

**Q12.** Bạn đang theo học chương trình nào tại trường?

1. Chương trình tiến sĩ khoa sau đại học - Chương trình tiến sĩ giai đoạn sau  
2. Chương trình thạc sĩ khoa sau đại học - Chương trình tiến sĩ giai đoạn đầu  
3. Chương trình sau đại học hệ chuyên nghiệp      4. Nghiên cứu sinh trình độ sau đại học  
5. Chương trình chính quy đại học      6. Nghiên cứu sinh, sinh viên dự thính trình độ đại học  
7. Cao đẳng      8. Trường chuyên môn (chương trình chuyên môn)  
9. Chương trình dự bị đại học      10. Cơ sở đào tạo tiếng Nhật      11. Khác

**Q13.** Hiện tại bạn đang là sinh viên năm mấy?

1. Năm thứ 1      2. Năm thứ 2      3. Năm thứ 3      4. Năm thứ 4      5. Năm thứ 5  
6. Năm thứ 6      7. Thạc sĩ năm 1      8. Thạc sĩ năm 2      9. Tiến sĩ năm 1      10. Tiến sĩ năm 2  
11. Tiến sĩ năm 3      12. Nghiên cứu sinh, sinh viên dự thính, v.v...      13. Khác

**Q14.** Bạn đã lấy bằng cấp về năng lực Nhật ngữ chưa?

1. J1+      2. J1      3. J2      4. J3      5. J4      6. J5      7. N1      8. N2  
9. N3      10. N4      11. N5      12. Chưa lấy bằng cấp

**Q15.** Lĩnh vực chuyên môn tại trường bạn đang theo học là gì?

1. Ngành Khoa học nhân văn (văn học, lịch sử, triết học, v.v...)
2. Ngành Khoa học xã hội (luật, chính trị, kinh tế, xã hội học, v.v...)
3. Ngành Khoa học tự nhiên (toán học, vật lý, hóa học, sinh vật học, v.v...)
4. Ngành Công nghiệp kỹ thuật (kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện tử, hóa học ứng dụng, v.v...)
5. Ngành Nông nghiệp (kinh tế nông nghiệp, kỹ thuật làm nông, chăn nuôi thú y, nuôi trồng thủy sản, v.v...)
6. Ngành Y học - ngành Nha khoa
7. Ngành dược
8. Ngành nữ công gia chánh (thực phẩm, thiết kế thời trang, nội thất, v.v...)
9. Đào tạo
10. Ngôn ngữ Nhật \*Đang học tại cơ sở đào tạo tiếng Nhật
11. Khác

**Q16.** Vui lòng cho chúng tôi biết về thời gian học tập của bạn trong 1 tuần. (không bao gồm thời gian lên lớp tại trường.)

- |                             |                             |                             |
|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1. Dưới 7 tiếng             | 2. 7 tiếng ~ dưới 14 tiếng  | 3. 14 tiếng ~ dưới 21 tiếng |
| 4. 21 tiếng ~ dưới 28 tiếng | 5. 28 tiếng ~ dưới 35 tiếng | 6. 35 tiếng ~ dưới 42 tiếng |
| 7. 42 tiếng ~ dưới 49 tiếng | 8. Từ 49 tiếng trở lên      |                             |

**Q17.** Bạn phải mất khoảng bao lâu để đi (một chiều) từ nơi đang sống đến trường đang theo học?

- |                       |                       |                               |
|-----------------------|-----------------------|-------------------------------|
| 1. Trong vòng 30 phút | 2. Trong vòng 1 tiếng | 3. Trong vòng 1 tiếng 30 phút |
| 4. Trong vòng 2 tiếng | 5. Từ 2 tiếng trở lên |                               |

**Q18.** Trường bạn đang theo học có mặt tốt nào?

- |                            |  |  |
|----------------------------|--|--|
| 1. Chế độ hỗ trợ sinh viên | 2. Môi trường học tập (lớp học, phòng nghiên cứu, phòng thực nghiệm, v.v...) |  |
| 3. Nội dung nghiên cứu     | 4. Phúc lợi xã hội   | 5. Hoạt động ngoại khóa như sinh hoạt câu lạc bộ, v.v... |
| 6. Khác                    |  |  |

\*Trường hợp chọn “6. Khác” trong phần “Mặt tốt”, vui lòng nhập nội dung cho câu trả lời đó trên màn hình trả lời.

**Q19.** Trường bạn đang theo học có mặt nào không tốt?

- |                            |  |  |
|----------------------------|--|--|
| 1. Chế độ hỗ trợ sinh viên | 2. Môi trường học tập (lớp học, phòng nghiên cứu, phòng thực nghiệm, v.v...) |  |
| 3. Nội dung nghiên cứu     | 4. Phúc lợi xã hội   | 5. Hoạt động ngoại khóa như sinh hoạt câu lạc bộ, v.v... |
| 6. Khác                    |  |  |

\*Trường hợp chọn “6. Khác” trong phần “Mặt không tốt”, vui lòng nhập nội dung cho câu trả lời đó trên màn hình trả lời.



[Đây là phần câu hỏi về thu nhập và chi tiêu trong 1 tháng của bạn. ]

**Q24.** Đây là phần câu hỏi về thu nhập và chi tiêu trong 1 tháng của bạn.

Trường hợp mười ngàn yên, vui lòng nhập .

**-Ví dụ về câu trả lời-**

Thu nhập	(yên/tháng)	Chi tiêu	(yên/tháng)
(1) Tiền chu cấp	63,000 yên	(1) Chi phí học tập và nghiên cứu	yên
(2) Làm thêm	29,000 yên	A. Học phí	44,000 yên
(3) Tiền học bổng		B. Các khoản ngoài chi phí học tập	10,000 yên
A. MEXT/JASSO	48,000 yên	C. Phí tham gia câu lạc bộ, v.v...	yên
B. Đại học/Trường học	yên	(2) Chi phí đi lại để đến trường	8,000 yên
C. Chính quyền địa phương	yên	(3) Phí ăn uống	25,000 yên
D. Tổ chức tư nhân	yên	(4) Chi phí chỗ ở	36,000 yên
E. Tổ chức ở nước ngoài	yên	(5) Phí điện, nước, gas	8,000 yên
F. Khác	yên	(6) Phí bảo hiểm y tế	3,000 yên
(4) Hỗ trợ từ người quen	yên	(7) Chi phí phục vụ cho sở thích và giải trí	5,000 yên
(5) Thu nhập của vợ/chồng	yên	(8) Khác	yên
(6) Khác	yên	(9) Số tiền còn lại	1,000 yên
<b>Tổng cộng</b>	<b>140,000 yên</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Khoảng 140,000 yên</b>

**Các lưu ý khi nhập trên màn hình**

\* Tổng thu nhập và chi tiêu của bạn bắt buộc phải giống nhau. Trường hợp số tiền khác nhau, màn hình sẽ báo lỗi.

\*Học phí (số tiền trong 1 tháng) được tính bằng cách chia học phí 1 năm cho 12, hoặc chia học phí nửa năm cho 6. Ngoài ra, học phí không bao gồm các khoản chi trả một lần như phí nhập học, v.v...

(Ví dụ) Học phí 1 năm 528,000 yên → **Tháng 44,000 yên** (528,000÷12= 44,000)

\* Vui lòng trả lời theo đơn vị 1,000 yên. Vui lòng làm tròn đối với số tiền dưới 1,000 yên.

(Ví dụ) Trường hợp nhập 7,235 yên × 7,000 ○ 8,000

**Q24.** Thu nhập bình quân trong 1 tháng của bạn là khoảng bao nhiêu? Vui lòng nhập số tiền vào trong □ cho từng hạng mục. Ngoài ra, vui lòng chỉ nhập con số tương ứng vào □.

yên/tháng

(1) Tiền chu cấp tiền từ cha mẹ, anh chị em, hoặc người thân	yên
(2) Làm thêm	yên
(3) Tiền học bổng	
A. Monbukagakusho Honors Scholarship for Privately-Financed International Students (MEXT/JASSO) (48,000 yên hoặc 30,000 yên)	yên
B. Học bổng từ các trường đại học và trường học	yên
C. Trợ cấp từ chính quyền địa phương (Các tỉnh thành, thành phố, quận, thị trấn, và làng xã)	yên
D. Học bổng từ Tổ chức tư nhân	yên
E. Học bổng từ các Tổ chức nước ngoài (các tổ chức khác ngoài Nhật Bản)	yên
F. Các học bổng khác	yên
(4) Hỗ trợ từ người quen	yên
(5) Thu nhập của vợ/chồng	yên
(6) Khác	yên

Tổng cộng

yên

**↑ Tổng thu nhập bắt buộc phải giống với tổng chi tiêu.**



**Q24.** Chi tiêu bình quân trong 1 tháng của bạn là khoảng bao nhiêu? Vui lòng nhập số tiền vào trong □ cho từng hạng mục. Ngoài ra, vui lòng chỉ nhập con số tương ứng vào □.

yên/tháng

(1) Chi phí học tập và nghiên cứu	yên
A. Học phí (số tiền trong 1 tháng)	yên
B. Chi phí giáo trình, tài liệu đào tạo, văn phòng phẩm, v.v... (các khoản ngoài chi phí học tập)	yên
C. Phí tham gia hoạt động của câu lạc bộ, phí tham gia trại tập huấn	yên
(2) Chi phí đi lại để đến trường (phí định kỳ, v.v...)	yên
(3) Phí ăn uống	yên
(4) Chi phí chỗ ở (Tiền thuê nhà, tiền ký túc xá trong 1 tháng, v.v...)	yên
(5) Tiền điện, nước, gas	yên
(6) Chi phí bảo hiểm, y tế	yên
(7) Chi phí phục vụ cho sở thích, giải trí	yên
(8) Các chi phí sinh hoạt thường ngày khác (Tiền mua quần áo, tiền điện thoại, chi phí đi lại, hàng tiêu dùng, v.v...)	yên
(9) Số tiền còn lại	yên

Tổng cộng

yên

**↑Tổng chi tiêu bắt buộc phải giống với tổng thu nhập.**

[Đây là phần câu hỏi về công việc bán thời gian của bạn.]

**Q25.** Bạn hiện có đang làm việc bán thời gian không?

1. Có                      2. Không (Vui lòng chuyển sang Q30.)



- Người đã trả lời “1. Có” ở Q25, vui lòng trả lời các câu hỏi sau.

**Q26.** Bạn đang làm loại công việc bán thời gian nào? (Có thể trả lời nhiều đáp án, tối đa 3 câu)

- |  |   |  |
|--|---|--|
| 1. Gia sư  | 2. Giáo viên dạy ngoại ngữ              | 3. Giáo viên trường luyện thi                        |
| 4. Trợ lý giảng dạy (TA), Trợ lý nghiên cứu (RA) | 5. Thư ký văn phòng                     |  |
| 6. Kế toán                                       | 7. Vệ sinh                              | 8. Bảo vệ  |
| 9. Quản lý tòa nhà                               | 10. Nhân viên cây xăng                  | 11. Chuyên phát                                      |
| 12. Công việc vận chuyển                         | 13. Cửa hàng ăn uống                    | 14. Kinh doanh, buôn bán (cửa hàng tiện lợi, v.v...) |
| 15. Lễ tân khách sạn/Nhân viên đón khách         | 16. Công việc in ấn các ấn phẩm, v.v... |  |
| 17. Công việc về công trình dân dụng/xây dựng    | 18. Chuyển nhà                          |  |
| 19. Công việc lắp ráp tại nhà máy                | 20. Sắp xếp kho hàng                    |  |
| 21. Biên dịch, phiên dịch                        | 22. Người lập trình, người vận hành     | 23. Thiết kế đồ họa                                  |
| 24. Khác   |   |  |

**Q27.** Bạn làm việc bán thời gian bao nhiêu tiếng 1 tuần?

- |                                 |                             |
|---------------------------------|-----------------------------|
| 1. Dưới 5 tiếng                 | 2. 5 tiếng ~ dưới 10 tiếng  |
| 3. 10 tiếng ~ dưới 15 tiếng     | 4. 15 tiếng ~ dưới 20 tiếng |
| 5. 20 tiếng ~ đến dưới 25 tiếng | 6. Từ 25 tiếng trở lên      |

**Q28.** Tại sao bạn lại làm việc bán thời gian?

1. Vì đây là điều cần thiết để duy trì cuộc sống ở Nhật Bản
2. Vì đây sẽ là cơ hội tốt để giao lưu với người Nhật, v.v...
3. Để có chi phí phục vụ cho học tập, giải trí, v.v...
4. Khác

**Q29.** Mức lương theo giờ (đơn giá tương ứng với 1 tiếng) cho công việc bán thời gian chính của bạn là bao nhiêu?

- |                               |                               |
|-------------------------------|-------------------------------|
| 1. Dưới 800 yên               | 2. 800 yên ~ dưới 1,000 yên   |
| 3. 1,000 yên ~ dưới 1,200 yên | 4. 1,200 yên ~ dưới 1,400 yên |
| 5. 1,400 yên ~ dưới 1,600 yên | 6. 1,600 yên ~ dưới 1,800 yên |
| 7. 1,800 yên ~ dưới 2,000 yên | 8. Từ 2,000 yên trở lên       |

[Đây là phần câu hỏi về nơi ở của bạn.]

**Q30. Bạn hiện đang sống ở khu vực nào?**

- |               |              |              |               |               |               |
|---------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|
| 1. Hokkaido   | 2. Aomori    | 3. Iwate     | 4. Miyagi     | 5. Akita      | 6. Yamagata   |
| 7. Fukushima  | 8. Ibaraki   | 9. Tochigi   | 10. Gunma     | 11. Saitama   | 12. Chiba     |
| 13. Tokyo     | 14. Kanagawa | 15. Niigata  | 16. Toyama    | 17. Ishikawa  | 18. Fukui     |
| 19. Yamanashi | 20. Nagano   | 21. Gifu     | 22. Shizuoka  | 23. Aichi     | 24. Mie       |
| 25. Shiga     | 26. Kyoto    | 27. Osaka    | 28. Hyogo     | 29. Nara      | 30. Wakayama  |
| 31. Tottori   | 32. Shimane  | 33. Okayama  | 34. Hiroshima | 35. Yamaguchi | 36. Tokushima |
| 37. Kagawa    | 38. Ehime    | 39. Kochi    | 40. Fukuoka   | 41. Saga      | 42. Nagasaki  |
| 43. Kumamoto  | 44. Oita     | 45. Miyazaki | 46. Kagoshima | 47. Okinawa   |               |

**Q31. Bạn đang sống ở dạng ký túc xá nào?**

1. Căn hộ - chung cư tư nhân, v.v...
2. Ký túc xá cho du học sinh của các trường đại học/trường học
3. Ký túc xá thông thường của các trường đại học/trường học
4. Ký túc xá cho du học sinh cấp tỉnh/thành phố/cơ quan tổ chức
5. Nhà ở công cộng như nhà ở do nhà nước quản lý, v.v...
6. Ký túc xá cho nhân viên công ty
7. Nhà dân
8. Khác

**Q32. Bạn chú trọng vào điều gì khi lựa chọn ký túc xá?**

(Chọn tối đa 3 câu trả lời phù hợp nhất, và nhập **theo thứ tự độ phù hợp.**)

1. Giá thuê, chi phí ban đầu
2. Cách bố trí, độ rộng
3. Thiết bị
4. Khoảng cách đi từ trường học, thời gian đi đến trường
5. Sự thuận tiện của môi trường xung quanh (gần nhà ga, dễ dàng mua sắm, v.v...)
6. An ninh
7. Giao lưu với người Nhật
8. Trao đổi giữa các sinh viên quốc tế

**Q33. Diện tích sử dụng cá nhân của bạn trong căn phòng bạn hiện đang ở rộng bao nhiêu?**

(Không bao gồm bếp, nhà tắm, và nhà vệ sinh. Nếu bạn sống chung với người khác, hãy chia kích thước của căn phòng, không bao gồm nhà bếp, nhà tắm, và nhà vệ sinh, cho số người sống ở căn phòng đó. Độ rộng của 1 tấm chiếu tatami là khoảng 1,6 m<sup>2</sup>.)

1. Dưới 5 m<sup>2</sup> (bằng khoảng 3 tấm chiếu tatami)
2. 5 m<sup>2</sup> ~ dưới 7,5 m<sup>2</sup> (bằng khoảng 4 ~ 4,5 tấm chiếu tatami)
3. 7,5 m<sup>2</sup> ~ dưới 10 m<sup>2</sup> (bằng khoảng 5 ~ 6 tấm chiếu tatami)
4. 10 m<sup>2</sup> ~ dưới 12,5 m<sup>2</sup> (bằng khoảng 7 ~ 7,5 tấm chiếu tatami)
5. 12,5 m<sup>2</sup> ~ dưới 15 m<sup>2</sup> (bằng khoảng 8 ~ 9 tấm chiếu tatami)
6. 15 m<sup>2</sup> ~ dưới 17,5 m<sup>2</sup> (bằng khoảng 10 ~ 10,5 tấm chiếu tatami)
7. 17,5 m<sup>2</sup> ~ dưới 20 m<sup>2</sup> (bằng khoảng 11 ~ 12 tấm chiếu tatami)
8. 20 m<sup>2</sup> ~ dưới 25 m<sup>2</sup> (bằng khoảng 13 ~ 15 tấm chiếu tatami)
9. Từ 25 m<sup>2</sup> trở lên (bằng khoảng từ 16 tấm chiếu tatami trở lên)

**Q34.** Bạn có đang sống một mình không?

1. Có (Vui lòng chuyển sang Q37.)                      2. Không



- Người đã trả lời “2. Không” ở Q34, vui lòng trả lời các câu hỏi sau.

**Q35.** Có bao nhiêu người cùng sống ở đó? (ngoài bạn ra)

1. 1 người                      2. 2 người                      3. 3 người                      4. 4 người                      5. Từ 5 người trở lên

**Q36.** Bạn đang sống cùng ai?

1. Vợ/chồng hoặc gia đình                      2. Du học sinh nước ngoài                      3. Sinh viên Nhật Bản  
4. Khác

**Q37.** Khi bạn quyết định chuyển vào ở ký túc xá hiện tại, chi phí bạn phải trả ngoài tiền thuê nhà hàng tháng là bao nhiêu (tiền đặt cọc, tiền lễ, v.v...)?

1. Không có  
2. Dưới 50,000 yên  
3. 50,000 yên ~ dưới 100,000 yên  
4. 100,000 yên ~ dưới 200,000 yên  
5. 200,000 yên ~ dưới 300,000 yên  
6. 300,000 yên ~ dưới 400,000 yên  
7. 400,000 yên ~ dưới 500,000 yên  
8. Từ 500,000 yên trở lên

**Q38.** Bạn có nhờ người bảo lãnh ký túc xá cho mình không?

1. Có                      2. Không (Vui lòng chuyển sang Q40.)



- Người đã trả lời “1. Có” ở Q38, vui lòng trả lời câu hỏi sau.

**Q39.** Ai là người bảo lãnh ký túc xá nơi bạn hiện đang ở?

1. Trường đại học, trường học (người đại diện)                      2. Giáo viên hướng dẫn ở trường đại học, trường học  
3. Tổ chức giao lưu quốc tế (người đại diện)  
4. Cơ sở đào tạo tiếng Nhật đã đăng ký học trước đây (người đại diện, giáo viên)  
5. Người quen là người Nhật                      6. Người quen không phải là người Nhật  
7. Hộ hàng                      8. Sử dụng chế độ người bảo lãnh                      9. Khác

[Đây là phần câu hỏi về sức khỏe của bạn.]

**Q40.** Kể từ khi nhập học, bạn đã bao giờ bị ốm hoặc bị thương chưa? Ngoài ra, bạn đã làm gì vào thời điểm đó?  
(Có thể trả lời nhiều đáp án, tối đa 3 câu)

1. Chưa từng bị ốm hoặc bị thương
2. Đến trung tâm quản lý chăm sóc sức khỏe hoặc phòng y tế của trường
3. Đến bệnh viện
4. Mua thuốc ở nhà thuốc và tự chữa bệnh
5. Tự chịu đựng mà không đến bệnh viện hoặc nhà thuốc
6. Khác

• Đây là phần câu hỏi về bảo hiểm sức khỏe của bạn.

**Q41.** Bạn đang tham gia loại bảo hiểm sức khỏe nào sau đây? (Có thể trả lời nhiều đáp án)

1. Bảo hiểm sức khỏe quốc gia (của Nhật Bản)
2. Bảo hiểm du học, du lịch nước ngoài
3. Bảo hiểm sức khỏe mà thành viên trong gia đình như cha mẹ, anh em, vợ/chồng, v.v... tham gia
4. Bảo hiểm sức khỏe của cơ quan nơi bạn trực thuộc
5. Chưa tham gia
6. Khác

**Q42:** Tổng cộng bạn phải trả bao nhiêu tiền trong 1 tháng?

1. Miễn phí
2. Dưới 500 yên
3. 500 yên ~ dưới 1,000 yên
4. 1,000 yên ~ dưới 1,500 yên
5. 1,500 yên ~ dưới 2,000 yên
6. 2,000 yên ~ dưới 2,500 yên
7. 2,500 yên ~ dưới 3,000 yên
8. 3,000 yên ~ dưới 3,500 yên
9. Từ 3,500 yên trở lên

[Đây là phần câu hỏi về dự định sau khi tốt nghiệp của bạn.]

**Q43.** Dự định của bạn sau khi tốt nghiệp tại ngôi trường bạn hiện đang theo học là gì?  
(Chọn tối đa 3 câu trả lời phù hợp nhất, và nhập **theo thứ tự độ phù hợp**.)

1. Mong muốn tiếp tục học lên cao hơn ở Nhật Bản (Vui lòng chuyển sang Q44.)
2. Mong muốn tìm được việc làm ở Nhật Bản (Vui lòng chuyển sang Q45.)
3. Mong muốn được khởi nghiệp kinh doanh ở Nhật Bản
4. Mong muốn được tiếp tục học lên cao hơn tại quê nhà
5. Mong muốn tìm được việc làm hoặc khởi nghiệp kinh doanh tại quê nhà (Vui lòng chuyển sang Q52.)
6. Mong muốn được tiếp tục học lên cao hơn ở một quốc gia khác ngoài Nhật Bản và quê nhà
7. Mong muốn tìm được việc làm hoặc khởi nghiệp kinh doanh ở một quốc gia khác ngoài Nhật Bản và quê nhà  
(Vui lòng chuyển sang Q52.)
8. Vẫn chưa quyết định

• Người đã trả lời lựa chọn 3, 4, 6, 8 ở Q43, vui lòng chuyển sang Q53.

- Người đã trả lời “1. Mong muốn tiếp tục học lên cao hơn ở Nhật Bản” ở Q43, vui lòng trả lời câu hỏi sau đây.

**Q44.** Bạn đang cân nhắc tiếp tục học lên cao hơn với chương trình học nào?

1. Chương trình tiến sĩ khoa sau đại học, Chương trình tiến sĩ giai đoạn sau
2. Chương trình thạc sĩ khoa sau đại học, Chương trình tiến sĩ giai đoạn đầu
3. Chương trình sau đại học hệ chuyên nghiệp
4. Nghiên cứu sinh trình độ sau đại học
5. Chương trình chính quy đại học
6. Nghiên cứu sinh, sinh viên dự thính trình độ đại học
7. Cao đẳng
8. Trường chuyên môn (chương trình chuyên môn)
9. Khác

- Người đã trả lời Q44, vui lòng chuyển sang Q53.
- Người đã trả lời “2. Mong muốn tìm được việc làm ở Nhật Bản” ở Q43, vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây.

**Q45.** Bạn mong muốn tìm được việc làm trong lĩnh vực nào?

(Chọn tối đa 3 câu trả lời phù hợp nhất, và nhập **theo thứ tự độ phù hợp**.)

1. Biên dịch, phiên dịch
2. Hoạt động liên quan đến nước ngoài
3. Hoạt động thương mại
4. Nghiên cứu khoa học
5. Giáo dục
6. Kinh doanh, buôn bán
7. Hoạt động quản trị kinh doanh, quản lý
8. Phát triển kỹ thuật
9. Xử lý thông tin
10. Thiết kế
11. Khác

**Q46.** Bạn nghĩ gì về tương lai sau khi tìm được việc làm tại Nhật Bản?

1. Muốn làm việc mãi mãi ở Nhật Bản
2. Sau khi làm việc tại Nhật Bản, tương lai muốn trở về quê nhà để tìm việc làm
3. Sau khi làm việc tại Nhật Bản, tương lai muốn tìm được việc làm ở một quốc gia khác ngoài Nhật Bản, quê nhà
4. Vẫn chưa quyết định

**Q47.** Bạn mong muốn điều gì khi tham gia hoạt động tìm việc làm tại Nhật Bản?

(Chọn tối đa 3 câu trả lời phù hợp nhất, và **nhập theo thứ tự độ phù hợp**.)

1. Đơn giản hóa thủ tục thay đổi tư cách lưu trú, rút ngắn thời gian làm thủ tục
2. Nói lỏng quy định để cho phép những thay đổi linh hoạt đối với tư cách cư trú
3. Làm phong phú thêm thông tin về việc làm cho du học sinh
4. Tăng cường hội chợ việc làm cho du học sinh tại trường học
5. Tăng cường quầy tư vấn việc làm cho du học sinh tại trường học
6. Muốn có nhiều hội chợ việc làm cho du học sinh hơn tại công ty
7. Tăng cường chương trình thực tập cho du học sinh
8. Khác

**Q48.** Bạn cảm thấy lo lắng điều gì khi tìm việc làm tại Nhật Bản?

(Chọn tối đa 3 câu trả lời phù hợp nhất, và nhập theo thứ tự độ phù hợp.)

1. Có thể tạo mối quan hệ tốt ở nơi làm việc không
2. Tiếng Nhật của mình có hiểu được không
3. Có nhận được công việc mình muốn không
4. Có quen với phong tục kinh doanh của Nhật Bản không
5. Có thể trao đổi suôn sẻ với khách hàng không
6. Có làm sai cách ứng xử trong doanh nghiệp không
7. Hệ thống đánh giá nhân sự như thế nào
8. Địa điểm làm việc sẽ nằm ở đâu
9. Có thể tiến hành công việc của mình đúng cách không
10. Thời gian làm việc có dài không
11. Lương và đãi ngộ có tệ không
12. Kiến thức chuyên môn của mình có hữu ích không
13. Con đường sự nghiệp sẽ ra sao
14. Có quen với sự khác biệt trong lối sống không
15. Không có gì phải lo lắng
16. Khác

**Q49.** Bạn muốn làm việc ở Nhật bao nhiêu năm sau khi tìm được việc làm ở Nhật?

1. Dưới 1 năm
2. 1 năm ~ dưới 3 năm
3. 3 năm ~ dưới 5 năm
4. 5 năm ~ dưới 10 năm
5. Từ 10 năm trở lên

**Q50.** Bạn có nghĩ đến muốn tham gia thực tập tại Nhật Bản không?

1. Có nghĩ đến
2. Đã tham gia hoặc hiện đang tham gia
3. Không nghĩ đến

- Người đã trả lời “1. Có nghĩ đến” hoặc “2. Đã tham gia hoặc hiện đang tham gia” ở Q50, vui lòng trả lời Q51.

**Q51.** Lý do bạn có nghĩ đến muốn tham gia thực tập là gì (lý do tham gia)?

1. Vì việc tìm việc làm có vẻ sẽ thuận lợi
2. Vì có vẻ hữu ích cho việc tự học và rèn luyện tiếng Nhật
3. Vì muốn biết không khí làm việc của một công ty Nhật Bản trước khi tìm việc

- Người đã trả lời “5. Mong muốn tìm được việc làm hoặc khởi nghiệp kinh doanh tại quê nhà” hoặc “7. Mong muốn tìm được việc làm hoặc khởi nghiệp kinh doanh ở một quốc gia khác ngoài Nhật Bản và quê nhà” ở Q43, vui lòng trả lời câu hỏi sau đây.

**Q52.** Nếu bạn mong muốn tìm việc làm ở ngoài Nhật Bản, bạn có mong muốn tìm việc tại công ty Nhật Bản không?

1. Mong muốn
2. Không mong muốn
3. Không biết có công ty Nhật Bản nào ở quốc gia nơi mà tôi muốn tìm việc làm không
4. Mong muốn khởi nghiệp kinh doanh
5. Vẫn chưa quyết định

[Đây là phần câu hỏi về những lo lắng của bạn trước sự lây lan của bệnh truyền nhiễm do virus Corona chủng mới gây ra]

**Q53.** Bạn lo lắng điều gì trước sự lây lan của bệnh truyền nhiễm do virus Corona chủng mới gây ra?

1. Những điều liên quan đến trường lớp
2. Những điều liên quan đến sự nghiệp trong tương lai
3. Những điều liên quan đến tình hình tài chính
4. Những điều liên quan đến mối quan hệ bạn bè trong trường học
5. Những điều liên quan đến hoạt động ngoại khóa (hoạt động câu lạc bộ, hội nhóm)
6. Khác

**Q54.** Có nơi nào để bạn tham khảo ý kiến nhằm cải thiện và giải quyết nỗi lo lắng liên quan đến bệnh truyền nhiễm do virus Corona chủng mới gây ra không?

1. Giáo viên và quỳ tư vấn ở trường
2. Bạn bè, bạn học, v.v...
3. Người bảo hộ, anh chị em
4. Khác

[Đây là phần câu hỏi về việc tiêm chủng vaccine phòng chống bệnh truyền nhiễm do virus corona chủng mới gây ra]

**Q55.** Làm thế nào bạn nhận được thông tin về việc tiêm chủng vaccine phòng chống bệnh truyền nhiễm do virus corona chủng mới gây ra? (Có thể trả lời nhiều đáp án)

1. Nhận được thông tin từ trường học
2. Nhận được thông tin từ chính quyền địa phương (thành phố, thị trấn, làng xã)
3. Khác

● Người đã trả lời “1. Nhận được thông tin từ trường học” ở Q55, vui lòng trả lời câu hỏi sau đây.

**Q56.** Cách thức cụ thể mà bạn nhận được thông tin về việc tiêm chủng vaccine từ trường học là gì? (Có thể trả lời nhiều đáp án)

1. Bảng thông báo
2. Email
3. Trang web, cổng thông tin, SNS, v.v... của trường học
4. Thư báo
5. Khác

● Người đã trả lời “2. Nhận được thông tin từ chính quyền địa phương (thành phố, thị trấn, làng xã)” ở Q55, vui lòng trả lời câu hỏi sau đây.

**Q57.** Cách thức cụ thể mà bạn nhận được thông tin về việc tiêm chủng vaccine từ chính quyền địa phương (thành phố, thị trấn, làng xã) là gì? (Có thể trả lời nhiều đáp án)

1. Thư báo
2. Công bố và các ấn phẩm của chính quyền địa phương (thành phố, thị trấn, làng xã)
3. Trang web, cổng thông tin, SNS, v.v... của chính quyền địa phương (thành phố, thị trấn, làng xã)
4. Khác

Bản khảo sát đến đây là hết. Xin cảm ơn sự hợp tác của các bạn. Mong rằng những điều tốt đẹp nhất sẽ đến với các bạn.